ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THẠNH PHÚ** Số: 1118/QĐ-UBND	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thạnh Phú, ngày 10 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Dự án: Trạm bơm ấp 3
Địa điểm xây dựng: ấp 2, Xã Thạnh Phú, Thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THẠNH PHÚ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú về việc giao Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 xã Thạnh Phú;

Căn cứ Quyết định số 171a/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trạm bơm ấp 3.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã Thạnh Phú tại Tờ trình số 161a/TTr-PKT ngày 10 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Trạm bơm ấp 3, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Trạm bơm ấp 3.

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):

3. Địa điểm xây dựng: ấp 2, Xã Thạnh Phú, Thành phố Cần Thơ.

4. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú.

5. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Thạnh Phú.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công:

Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng 334.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng 334.

- Nhà thầu thẩm tra (nếu có): Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Xây Dựng Thịnh Vượng.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

+ Nhóm dự án: nhóm C.

+ Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV.

8. Mục tiêu dự án:

Xây dựng trạm bơm điện nhằm nâng cao khả năng cấp - thoát nước, điều tiết và kiểm soát mực nước trong khu vực Ấp 3, hạn chế tình trạng ngập úng trong mùa mưa. Qua đó, tạo điều kiện ổn định sản xuất nông nghiệp, bảo vệ tài sản và đời sống người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

1. Hạng mục cống trạm bơm

- Cống hở :

+ Chiều rộng cống Bc = 5.0m,

+ Cao trình đáy cống -1.8

+ Cao trình đỉnh cống +2.2

+ Kết cấu cống BTCT M250 được đặt trên nền xử lý gia cố cừ tràm.

+ Cửa van cống bằng thép, nâng hạ bằng Palăng 5tấn treo trên khung nâng.

+ Hai đầu cống bố trí rọ đá kết hợp vải địa kỹ thuật chống thấm và chống xói lở.

- Bể hút:

+ Bể hút kết cấu BTCT M250 nằm kết hợp trong thân cống và nằm trên nền đất gia cố bằng cừ tràm.

+ Chiều dài: 1.5m

+ Chiều rộng: 1.5m

+ Cao trình đáy bể hút: -1.8

+ Điều tiết nước bằng cửa van thép kết hợp hai khe phai, nâng hạ bằng Palăng 5tấn treo trên khung nâng .

- Bể xả:

+ Bể xả kết cấu BTCT M250 nằm trên nền đất gia cố bằng cừ tràm.

+ Chiều dài: 2.4m

+ Chiều rộng: 5.1m

+ Chiều cao: 2.5m

+ Cao trình đáy bể xả : +0.2

+ Cao trình đỉnh bể xả : +2.7

+ Điều tiết nước bằng cửa van thép bản lề treo trong bể xả.

- Cống dẫn nước tưới phía đồng

+ Dẫn nước từ bể xả đổ nước vào kênh chính, từ đó nhân dân khai nước vào ruộng để tưới. Cống hình chữ nhật vát cạnh, bằng BTCT M250 dày 120mm.

+ Cao trình đỉnh ống cống +1.6m.

+ Cao trình đáy ống cống +0.4m.

+ Điều tiết nước bằng cửa van sắt đặt bể xả.

- Cống dẫn nước tiêu phía sông

+ Dẫn nước từ bể xả đổ ra sông để tiêu nước cho đồng ruộng. Cống hình

chữ nhật vát cạnh, bằng BTCT M250 dày 120mm.

+ Cao trình đỉnh ống cống +1.6m.

+ Cao trình đáy ống cống +0.4m.

+ Điều tiết nước bằng cửa van sắt đặt bể xả.

- Các hạng mục phụ trợ.

2. Hạng mục đường dây & trạm biến áp.

- Đường dây trung áp trên không xây dựng mới: 184m;

- Trạm biến áp 3 pha 22/0,4kV - 1x180kVA xây dựng mới;

3. Thiết bị phục vụ trạm bơm: Thông số theo danh mục đính kèm.

(Chi tiết khối lượng và thông số kỹ thuật xem thêm tại bản vẽ và dự toán)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

*** Các tiêu chuẩn, quy phạm khảo sát**

- TCVN 9401-2024: Tiêu chuẩn Quốc gia "Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình";

- TCVN 9398 -2012: Tiêu chuẩn Quốc gia "Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung";

- TCVN 8463:2010: Tiêu chuẩn Quốc gia – Công trình thủy lợi – Quy định về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8477:2018: Tiêu chuẩn Quốc gia – Công trình thủy lợi – Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn thiết kế;

*** Các tiêu chuẩn, quy phạm thiết kế**

- TCVN 13505:2022: Tiêu chuẩn Quốc gia - Công trình thủy lợi - Trạm bơm cấp, thoát nước - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 5574:2018: Tiêu chuẩn Quốc gia "Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế";

- TCVN 9160:2012: Tiêu chuẩn Quốc gia – Công trình thủy lợi – Yêu cầu thiết kế đê bao ngăn lũ;

- TCVN 4118:2021: Tiêu chuẩn Quốc gia – Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế

- TCVN 2737:2023: Tiêu chuẩn Quốc gia – Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

*** Tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu**

- TCVN 8637:2021: Yêu cầu về lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu tổ máy bơm nước động cơ đặt trên khô.

- TCVN 8417:2022: Công trình thủy lợi - Quy trình vận hành trạm bơm điện

- TCVN 4055:2012: Tiêu chuẩn Quốc gia "Tổ chức thi công";

- TCVN 4447-2012: Tiêu chuẩn Quốc gia "Công tác đất - Thi công và nghiệm thu";

- TCVN 9115:2012: Tiêu chuẩn Quốc gia "Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu";

- TCVN 4453:1995: Tiêu chuẩn Việt Nam "Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu";

*** Các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động phòng chống cháy nổ**

- TCVN 5308-1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;

- QCVN 01:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn điện

- QCVN 06:2022/BXD – An toàn cháy cho nhà và công trình;

- TCVN 3255–1986: An toàn nổ – Yêu cầu chung.

*** Các quy định hiện hành khác**

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật, qui trình qui phạm hiện hành khác của Việt Nam

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng: **4.125.249.896 đồng**, trong đó:

- Chi phí xây dựng:

+ Hạng mục xây lắp:	*2.566.092.254*	*đồng*
+ Hạng mục Đường dây Trung áp và Trạm biến áp	*870.690.166*	*đồng*
- Chi phí quản lý dự án đầu tư:	112.142.210	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	296.241.769	đồng
- Chi phí khác:	87.825.177	đồng
- Chi phí dự phòng:	192.258.320	đồng

(Đính kèm Bảng tổng hợp kinh phí)

12. Tiến độ thực hiện dự án: không quá 3 năm kể từ ngày bố trí vốn thực hiện.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách địa phương.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương

16. Các nội dung khác (nếu có): không.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế xã Thạnh Phú (chủ đầu tư), có trách nhiệm tổ chức quản lý, thực hiện đúng quy mô và tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư về các hoạt động của mình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã Thạnh Phú, Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Giao dịch số 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THẠNH PHÚ T.P CẦN THƠ

Lê Minh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ
DỰ ÁN: TRẠM BƠM ẤP 3
ĐỊA ĐIỂM: ấp 2, xã Thạnh Phú, thành phố Cần Thơ

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**			**2.376.011.346**	**190.080.908**	**2.566.092.254**	**Gxd**
1	CÔNG TRẠM BƠM		Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	2.376.011.346	190.080.908	2.566.092.254	
2	**Đường dây Trung áp và Trạm biến áp**		**Bảng tính**	**806.194.598**	**64.495.568**	**870.690.166**	**Gtba**
2.1	Chi phí xây lắp		Bảng tính	479.042.425	38.323.394	517.365.819	
2.2	Chi phí lắp đặt và hiệu chỉnh thiết bị		Bảng tính	19.622.173	1.569.774	21.191.947	
2.3	Chi phí mua sắm thiết bị		Bảng tính	307.530.000	24.602.400	332.132.400	
4	**Chi phí quản lý dự án**	**3,263%**	**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**103.835.380**	**8.306.830**	**112.142.210**	**Gqlda**
5	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**			**274.297.935**	**21.943.835**	**296.241.769**	**Gtv**
5.1	Chi phí khảo sát địa hình		Bảng tính	20.451.960	1.636.157	22.088.117	
5.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3a Thông tư 60/2025/TT-BXD)	4,377%	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	139.285.154	11.142.812	150.427.966	
5.3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.16 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,189%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	4.490.661	359.253	4.849.914	
5.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.17 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,183%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	4.348.101	347.848	4.695.949	
5.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,361%	Dự toán gói thầu (Gxd+Gtba) trước thuế x tỷ lệ	11.487.763	919.021	12.406.784	
5.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,598%	Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	61.728.775	4.938.302	66.667.077	
5.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,200%	Dự toán gói thầu XD+TB+TBA sau thuế x tỷ lệ	6.873.565	549.885	7.423.450	
5.10	**Hạng mục: Đường dây Trung áp và Trạm biến áp**						
-	*Chi phí Thẩm tra thiết kế xây dựng*		*Bảng tính*	*2.337.964*	*187.037*	*2.525.001*	
-	*Chi phí Thẩm tra dự toán*		*Bảng tính*	*2.273.469*	*181.878*	*2.455.347*	
-	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*		*Bảng tính*	*17.493.154*	*1.399.452*	*18.892.606*	
-	*Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị*		*Bảng tính*	*3.527.369*	*282.190*	*3.809.559*	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
6	**Chi phí khác**			**83.119.440**	**4.705.737**	**87.825.177**	**Gk**
6.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	0,200%	(Gxd+Gtba+Gtb) sau thuế x tỷ lệ	6.873.565	549.885	7.423.450	
6.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	783.797		783.797	
6.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0,570%	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	23.513.924		23.513.924	
6.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	0,960%	Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	39.602.399	3.168.192	42.770.591	
6.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	20,000%	Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	12.345.755	987.660	13.333.415	
7	**Chi phí dự phòng**					**192.258.320**	**Gdp**
7.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5,000%	(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			192.258.320	
	Tổng cộng			**2.837.264.101**	**225.037.310**	**4.125.249.896**	**Gxdct**